

Vietnam Daily Review

Thị trường khởi sắc

Dự đoán xu hướng thị trường	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/8/2021		•	
Tuần 23/8-27/8/2021		•	
Tháng 8/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Xu hướng giảm co tiếp tục trong phiên giao dịch hôm nay nhưng đã chuyển về sắc xanh vào cuối phiên. Dòng tiền chảy vào thị trường khi 18/19 nhóm ngành tăng điểm so với phiên trước với mũi nhọn tăng trưởng đến từ nhóm Vận tải và Thực phẩm đồ uống. Độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực với thanh khoản thị trường suy giảm so với phiên trước. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên sàn HSX và mua ròng tại HNX. Mặc dù thị trường đã khởi sắc, việc thanh khoản suy yếu khá nhiều so với các phiên trước cho thấy xu hướng tăng điểm vẫn đang khá yếu. BSC khuyến nghị nhà đầu tư nên thận trọng giao dịch và có thể mở 1 phần nhỏ vị thế vào các mã cổ phiếu đã điều chỉnh mạnh trong nhịp điều chỉnh vừa qua.

Hợp đồng tương lai: Các hợp đồng đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 25/8/2021, phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm.

Phân tích kỹ thuật: POW_Tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +10.81 điểm, đóng cửa 1309.55 HNX-Index +4.22 điểm, đóng cửa 336.01.
- Kéo chỉ số tăng: MSN (+2.14); GVR (+1.32); SAB (+0.84); HPG(+0.78); GAS (+0.66)
- Kéo chỉ số giảm: CTG (-0.75); VIC (-0.71); VHM (-0.27); DPM (-0.15); APH(-0.07).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 21,215, tỷ đồng, -28.5% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 16,780 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 18.9 điểm. Thị trường có 228 mã tăng, 49 mã tham chiếu và 134 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -12.22 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VHM (152.1 tỷ), HPG (-95.0 tỷ) và CTG (-31.4 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 43.24 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX 1309.55
Giá trị: 15179.77 tỷ 10.81 (0.83%)
Khối ngoại (ròng): -12.22 tỷ

HNX-INDEX 336.01
Giá trị: 4087.41 tỷ 4.22 (1.27%)
Khối ngoại (ròng): 43.24 tỷ

UPCOM-INDEX 91.53
Giá trị: 1138.2 tỷ 0.4 (0.44%)
Khối ngoại(ròng): 14.4 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	67.4	-0.25%
Giá vàng	1,794	-0.49%
Tỷ giá USD/VND	22,820	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	26,821	-0.05%
Tỷ giá JPY/VND	20,791	-0.06%
LS liên NH 1 tháng	1.2%	16.94%
LS TPCP 5 năm	1.0%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	186.2	VHM	152.1
MBB	109.4	HPG	95.0
E1VFN30	33.8	CTG	31.4
HDB	31.7	VIC	27.9
VJC	21.2	HSG	20.6
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 25/8

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	67.38	-0.24%	3.30%	-5.60%	47.25%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	70.97	-0.11%	4.00%	-3.70%	48.53%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	217.95	-0.06%	1.50%	-4.20%	58.35%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1797.43	-0.30%	0.50%	0.00%	-7.06%		PNJ
Bạc	USD/ounce	23.75	-0.45%	1.00%	-5.70%	-11.73%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1324.75	-0.53%	-2.10%	-2.40%	43.45%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	730.75	-0.20%	-2.70%	6.40%	28.65%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.38	-0.40%	0.40%	2.80%	2.78%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	199.16	0.32%	-4.10%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	19.58	0.00%	-2.20%	7.80%	55.03%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	185.75	2.14%	2.10%	-3.20%	48.78%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9376.00	1.11%	1.40%	-1.50%	43.61%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	810.49	1.04%	0.70%	-8.30%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	866.24	0.86%	1.20%	-5.40%			
Nhôm	USD/ton	2615.00	0.50%	0.60%	4.50%	47.28%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	126.48	3.94%	-0.20%	-20.50%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	159.20	1.34%	-0.60%	15.70%	143.05%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- HDTL dầu thô Brent tăng 2.3 USD tương đương 3.4% lên 71,05 USD/thùng. HDTL dầu thô Tây Texas WTI tăng 1.9 USD tương đương 2.9% lên 67.54 USD/thùng.
- Viện Dầu mỏ Mỹ cho biết, tồn trữ dầu thô giảm 1.6 triệu thùng, trong khi tồn trữ xăng giảm 1 triệu thùng
- Vụ hỏa hoạn trên giàn khoan dầu ngoài khơi Mexico đã khiến sản lượng dầu của Pemex do nhà nước điều hành giảm khoảng 25%

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA duy trì tại mức 1,804.99 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 12 trên sàn New York tăng 0.1% lên 1,808.9 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2022 trên sàn Đại Liên tăng 6.2% lên 817.5 CNY/tấn. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Singapore tăng 8.2% lên 146.9 USD/tấn. Thép thanh kỳ hạn tháng 1/2022 trên sàn Thượng Hải tăng 2.4%. Thép cuộn cán nóng tăng 2.5%.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2021 trên sàn ICE tăng 3.9 US cent tương đương 2.1% lên 1.8575 USD/lb. Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 11/2021 trên sàn London tăng 59 USD tương đương 3.1% lên 1,971 USD/tấn.
- Giá đường trắng kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn London iảm 1.6 USD tương đương 0.3% xuống 477.5 USD/tấn. Đường thô kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn ICE duy trì tại 19.58 US cent/lb. Sản lượng đường của Brazil trong nửa đầu tháng 8/2021 đạt 2.99 triệu tấn, giảm 7.5% so với cùng kỳ năm ngoái

	25/8	% 25/8	24/8	% 24/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1309.55	0.83%	1298.74	-0.01%	-3.78%	2.89%
S&P 500			4486.23	0.15%	0.86%	1.69%
HDTL S&P500	4486.75	0.09%	4482.50	0.16%	2.10%	1.64%
Shang- hai	3540.38	0.74%	3514.47	1.07%	1.58%	2.10%
Euro Stoxx	4186.92	0.21%	4178.08	0.04%	-0.06%	2.06%

Phân tích kỹ thuật
POW_Tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, đường MACD cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: POW đang hình thành xu hướng hồi phục mạnh. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với đà tăng giá cổ phiếu. Đường giá cổ phiếu đã vượt lên MA20, MA50; báo hiệu xu hướng tăng giá tích cực. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá này. Nhà đầu tư có thể mở vị thế quanh ngưỡng giá 11.25, chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng 13.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 10.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

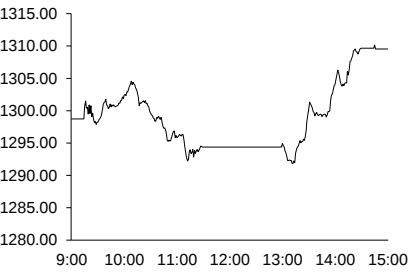
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Du lịch và Giải trí	2.92%
Thực phẩm và đồ uống	2.51%
Tài nguyên Cơ bản	1.79%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.70%
Hóa chất	1.68%
Dầu khí	1.38%
Truyền thông	1.34%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.20%
Bán lẻ	1.18%
Dịch vụ tài chính	0.88%
Xây dựng và Vật liệu	0.68%
Ngân hàng	0.51%
Y tế	0.39%
Bảo hiểm	0.29%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.28%
Ô tô và phụ tùng	0.08%
Công nghệ Thông tin	0.07%
Bất động sản	0.05%
Viễn thông	0.00%

Hình 1

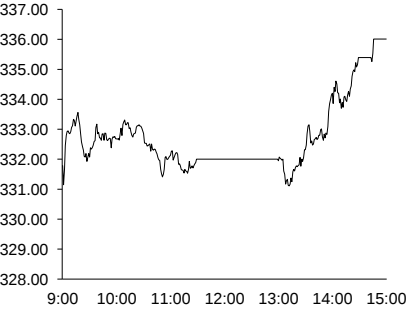
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
24/8/21	BMC	17.65	20	16	18.85	1	6.80%	Có thể tiếp tục mua
23/8/21	NRC	20.2	24	17.5	20.2	2	0.00%	Có thể tiếp tục mua
19/8/21	SCI	34.4	45	30	32.4	6	-5.81%	Có thể tiếp tục mua
17/8/21	POM	15.9	20	14	16.4	8	3.14%	Có thể tiếp tục mua
12/8/2021	FCN	13.35	17	12.15	13.1	13	-1.87%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/8/2021	DRC	33.1	38	30	32.3	20	-2.42%	Có thể giữ nguyên vị thế
14/7/21	ACV	75	84	72	75.5	42	0.67%	Có thể giữ nguyên vị thế
13/7/21	KBC	32.5	40	30	36.2	43	11.38%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

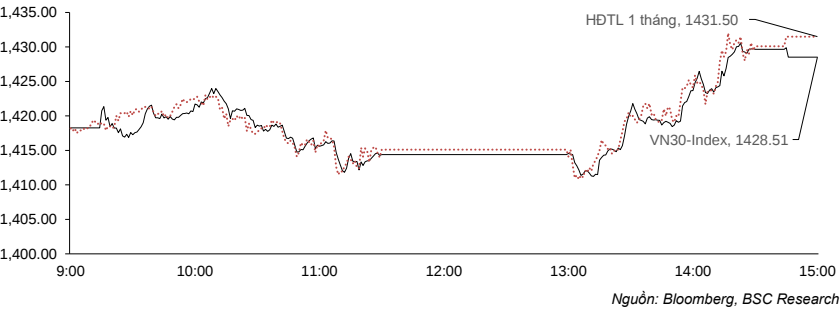
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
20/8/21	NT2	19.4	22	19	SL	5	-2.06%
18/8/21	HAX	23.1	27	21	SL	6	-9.09%
16/8/21	FRT	42	54	38.5	SL	7	-8.33%
13/8/21	DBC	58	65.5	56.5	SL	12	-2.59%
11/8/2021	VGI	32.7	38	30.5	SL	9	-6.73%
10/8/2021	PVD	19.6	23.5	17.5	SL	13	-10.71%
9/8/2021	PVT	20.05	23.5	18.5	TP	7	17.21%
6/8/2021	KSB	26.1	31.5	24	TP	14	20.69%
4/8/2021	PLX	52.3	58	50	SL	16	-4.40%
3/8/2021	MBS	29.9	36	28.5	TP	14	20.40%
2/8/2021	TNG	22.1	27	20	TP	14	22.17%
30/7/21	BCC	10.8	13	10	TP	11	20.37%
29/7/21	CTG	33.9	40	32	SL	27	-5.60%
28/7/21	OCB	23.6	26	22.4	SL	27	-5.08%
27/7/21	DCM	18.9	21	17.5	TP	6	11.11%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	5	3	4.40%	-3.37%	1.49%	17
Cổ phiếu đã chốt	179	118	13.97%	-7.73%	5.34%	26

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2109	1431.50	1.16%	2.99	-13.5%	277,394	9/16/2021	24
VN30F2110	1432.00	1.23%	3.49	35.1%	462	10/21/2021	59
VN30F2112	1431.00	0.87%	2.49	-80.1%	100	12/16/2021	115
VN30F2203	1437.80	1.40%	9.29	2.1%	143	3/17/2022	206

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng +10.25 điểm lên 1428.51 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MSN, HPG, VJC, VPB, TPB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch trong phiên sáng điều chỉnh giảm xuống quanh 1410 điểm, trước khi phục hồi tích cực trong phiên chiều lên quanh 1430 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.

• Các hợp đồng đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2110, các hợp đồng đều giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2106	1/7/2022	135	10:1	122,700	34.89%	3,000	2,790	12.96%	790	3.53	210,000	180,000	161,500
CTCB2104	8/27/2021	2	2:1	460,200	41.09%	2,000	1,850	8.82%	1,683	1.10	49,800	45,800	49,150
CHPG2110	12/6/2021	103	5:1	798,300	38.12%	2,400	2,650	6.43%	1,343	1.97	56,000	44,000	48,400
CMSN2104	5/4/2022	252	10:1	94,700	38.86%	5,200	5,200	5.69%	2,846	1.83	0	0	135,000
CSTB2104	8/27/2021	2	1:1	433,500	46.67%	4,000	4,590	4.32%	4,456	1.03	26,900	22,900	27,350
CMWG2105	8/27/2021	2	8:1	314,600	34.89%	2,950	3,760	3.01%	3,754	1.00	155,100	131,500	161,500
CTCB2105	5/4/2022	252	5:1	588,900	41.09%	3,600	3,690	2.79%	1,894	1.95	63,000	45,000	49,150
CMWG2104	3/22/2022	209	10:1	58,600	34.89%	2,400	6,230	2.13%	3,487	1.79	159,000	135,000	161,500
CHPG2106	8/27/2021	2	2:1	364,000	38.12%	4,100	7,540	1.89%	33	230.65	42,937	36,908	48,400
CPDR2102	9/27/2021	33	5:1	190,800	36.22%	1,100	1,730	1.76%	594	2.91	94,499	88,999	86,800
CVNM2108	12/6/2021	103	10:1	328,100	26.23%	2,100	2,060	1.48%	964	2.14	101,000	80,000	86,900
CMBB2103	1/7/2022	135	1.48:1	96,100	39.60%	3,000	3,050	1.33%	672	4.54	53,000	47,000	28,600
CTCB2101	10/5/2021	41	1:1	36,400	41.09%	5,000	20,500	0.99%	18,315	1.12	36,000	31,000	49,150
CFPT2103	1/7/2022	135	5:1	106,700	32.64%	3,000	3,130	0.64%	952	3.29	115,000	100,000	91,900
CFPT2104	12/6/2021	103	9.89:1	138,000	32.64%	3,000	3,030	-0.98%	1,534	1.98	110,000	80,000	91,900
CVNM2107	1/7/2022	135	10:1	103,100	26.23%	1,500	1,590	-1.24%	229	6.95	113,000	98,000	86,900
CNVL2102	9/27/2021	33	16:1	306,800	35.90%	1,100	1,560	-2.50%	12	132.77	107,608	94,636	105,500
CVIC2104	1/7/2022	135	10:1	250,700	33.65%	2,000	1,700	-2.86%	114	14.93	144,000	124,000	94,600
CVPB2104	8/27/2021	2	3:1	336,100	40.30%	2,500	4,100	-3.53%	4,138	0.99	56,500	49,000	61,400
CVRE2105	5/4/2022	252	5:1	255,700	39.16%	1,200	1,300	-6.47%	474	2.74	42,000	30,000	26,300
Tổng				5,261,300	36.57%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 25/8/2021, phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm.

• CMSN2102 và CMWG2106 tăng mạnh lần lượt là 13.48% và 12.96%. Giá trị giao dịch giảm -25.26%. CHPG2106 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.16% thị trường.

• CVPB2104, CMWG2105, CSTB2104, CTCB2104, và CTCB2101 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CNVL2101, và CSTB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2101, CSTB2104, và CVPB2104 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	161.5	0.6%	0.9	3,337	4.2	9,642	16.7	4.2	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	89.0	0.8%	1.0	880	1.2	5,812	15.3	3.5	48.9%	25.3%
BVH	Bảo hiểm	52.7	0.2%	1.4	1,701	0.8	2,429	21.7	1.9	26.9%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	41.9	1.7%	0.5	407	0.0	3,491	12.0	1.3	55.0%	10.8%
VIC	Bất động sản	94.6	-0.8%	0.7	15,651	8.4	1,688	56.0	4.1	14.9%	7.4%
VRE	Bất động sản	26.3	0.6%	1.1	2,598	2.9	1,195	22.0	2.0	29.8%	9.3%
VHM	Bất động sản	107.0	-0.3%	1.0	15,583	75.4	9,941	10.8	3.7	23.5%	39.9%
DXG	Bất động sản	21.1	0.0%	1.3	475	3.7	1,586		1.3	28.4%	11.0%
SSI	Chứng khoán	62.0	1.3%	1.5	1,765	29.5	2,817	22.0	3.6	48.0%	16.5%
VCI	Chứng khoán	59.8	2.9%	1.0	866	9.5	4,384	13.6	3.8	20.1%	25.4%
HCM	Chứng khoán	54.2	1.9%	1.6	719	10.9	2,899	18.7	3.4	48.3%	19.4%
FPT	Công nghệ	91.9	0.0%	0.9	3,626	5.4	4,234	21.7	5.0	49.0%	24.1%
FOX	Công nghệ	82.1	-0.6%	0.4	1,172	0.0	4,304	19.1	5.7	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	87.3	1.5%	1.3	7,265	2.1	4,077	21.4	3.6	2.6%	16.2%
PLX	Dầu khí	49.6	1.5%	1.5	2,680	2.5	3,090	16.0	2.6	17.8%	17.4%
PVS	Dầu khí	24.8	2.9%	1.7	515	5.8	1,160	21.4	1.0	7.4%	4.5%
BSR	Dầu khí	17.7	0.6%	0.8	2,386	4.5	(909)		1.8	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	93.5	-0.2%	0.3	532	0.1	5,761	16.2	3.6	54.6%	22.8%
DPM	Hóa chất	33.9	-4.2%	0.8	577	11.3	2,903	11.7	1.5	11.6%	13.6%
DCM	Hóa chất	23.2	-1.7%	0.7	534	3.9	1,169	19.8	1.8	2.1%	9.4%
VCB	Ngân hàng	97.5	0.5%	1.1	15,722	4.5	5,534	17.6	3.4	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	39.5	0.1%	1.3	6,899	1.9	2,464	16.0	2.0	16.7%	12.6%
CTG	Ngân hàng	32.2	-1.8%	1.3	6,718	25.5	3,417	9.4	1.7	24.4%	19.0%
VPB	Ngân hàng	61.4	0.7%	1.2	6,593	9.8	5,052	12.2	2.5	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	28.6	0.2%	1.2	4,698	22.5	2,764	10.3	2.0	22.2%	21.5%
ACB	Ngân hàng	32.5	0.5%	1.0	3,812	6.8	3,589	9.0	2.2	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	53.6	1.1%	0.7	191	0.2	4,762	11.3	1.9	83.9%	16.4%
NTP	Nhựa	50.9	1.8%	0.4	261	0.1	4,085	12.5	2.2	18.9%	18.3%
MSR	Tài nguyên	19.8	1.5%	0.7	946	0.3	39	507.7	1.6	10.1%	0.3%
HPG	Thép	48.4	1.4%	1.1	9,413	34.2	5,616	8.6	2.9	26.5%	39.8%
HSG	Thép	38.7	2.9%	1.4	823	16.8	7,745	5.0	1.9	10.8%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	86.9	0.7%	0.6	7,896	6.3	4,572	19.0	5.7	54.9%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	147.2	3.4%	0.8	4,104	1.5	7,293	20.2	4.5	62.6%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	135.0	5.1%	0.9	6,929	6.7	1,787	75.5	7.5	33.3%	9.4%
SBT	Tiêu dùng	21.0	2.4%	1.2	563	2.6	1,070	19.6	1.7	8.8%	8.5%
ACV	Vận tải	75.5	-0.7%	0.8	7,146	0.2	577	130.8	4.4	3.6%	3.4%
VJC	Vận tải	127.0	3.4%	1.1	2,991	7.6	290		4.1	18.3%	1.0%
HVN	Vận tải	21.2	3.7%	1.7	2,040	0.4	(7,377)		26.3	9.0%	-155.4%
GMD	Vận tải	47.9	2.0%	1.0	628	5.1	1,357	35.3	2.3	41.8%	6.7%
PVT	Vận tải	21.0	1.7%	1.4	295	3.5	2,340	9.0	1.4	14.5%	16.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	119.3	2.1%	0.9	830	1.2	9,519	12.5	4.5	3.8%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	34.0	1.2%	0.4	663	2.0	2,098	16.2	2.4	5.4%	14.4%
HT1	Vật liệu xây dựng	18.9	1.1%	0.9	314	1.2	1,653	11.4	1.3	3.0%	11.3%
CTD	Xây dựng	65.2	0.9%	1.0	209	0.8	2,005	32.5	0.6	43.7%	1.8%
CII	Xây dựng	16.9	-0.3%	0.6	176	1.4	69	244.6	0.9	22.3%	0.3%
REE	Điện	58.1	0.3%	-1.4	781	2.2	5,807	10.0	1.5	49.0%	15.8%
PC1	Điện	30.6	1.5%	-0.4	254	1.5	2,414	12.7	1.4	8.3%	12.9%
POW	Điện	11.3	6.6%	0.6	1,145	6.6	1,090	10.3	0.9	3.0%	8.8%
NT2	Điện	19.5	2.1%	0.5	243	0.5	1,093	17.8	1.4	13.6%	7.3%
KBC	Khu công nghiệp	36.2	0.8%	1.1	739	9.6	1,794	20.2	1.7	18.7%	8.5%
BCM	Khu công nghiệp	44.5	0%	1.0	2,003	0.1			3.0	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	135.00	5.06	2.07	1.16MLN
GVR	35.20	3.53	1.29	3.38MLN
SAB	147.20	3.37	0.83	240000
HPG	48.40	1.36	0.78	16.40MLN
GAS	87.30	1.51	0.67	557300

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
CTG	0.00	-0.78	18.21MLN	1.11MLN
VIC	0.00	-0.73	2.06MLN	607060
VHM	0.00	-0.27	16.18MLN	373600
DPM	0.00	-0.16	7.66MLN	192700
APH	0.00	-0.07	3.73MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AGM	29.85	6.99	0.01	90800.00
TRA	85.80	6.98	0.06	37000
DAT	28.35	6.98	0.02	2700
STK	46.00	6.98	0.06	11100
SPM	21.60	6.93	0.01	4300

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
JVC	4.83	-6.94	-0.01	1.27MLN
APG	15.25	-6.73	-0.01	3.00MLN
NHH	34.75	-6.08	-0.02	406000.00
LGL	6.27	-6.00	-0.01	105200
RIC	20.60	-5.94	-0.01	26200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	27.50	1.85	1.07	8.49MLN
VND	51.50	3.00	0.77	8.88MLN
NVB	29.00	3.20	0.48	1.23MLN
IDC	36.10	4.03	0.44	1.86MLN
PVS	24.80	2.90	0.22	5.46MLN

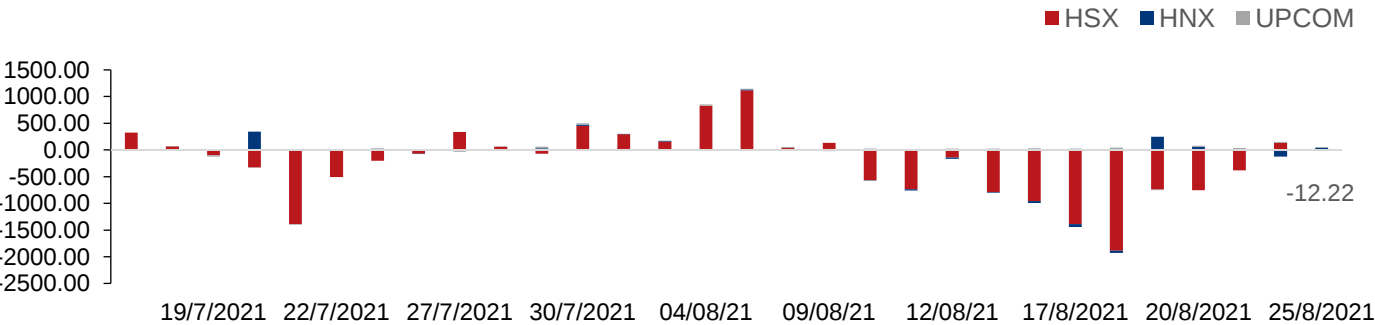
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CJC	19.80	-9.59	-0.42	100
BBC	60.30	-5.04	-0.26	1100
NSH	10.80	-3.57	-0.21	364300
CAG	25.00	-6.37	-0.08	46600
BII	11.70	-7.14	-0.06	4.73MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTD	19.80	10.0	0.00	9200
DAD	25.40	10.0	0.01	31300
EID	19.90	9.9	0.02	228700
NBC	16.70	9.9	0.03	1.39MLN
CLM	25.70	9.8	0.01	1200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHE	8.20	-9.89	0.00	962600
BST	17.80	-9.64	-0.59	1300
CJC	19.80	-9.59	0.00	100
VNF	13.60	-8.72	-0.01	1000
CMC	5.50	-8.33	0.00	300

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	32.5	3,589	9.0	2.2	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	75.5	577	130.8	4.4	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	ANV	Thủy sản	Mua	27/6/21	32.4	38.7	28.6	1,686	17.0	1.5	Click
5	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.4	600	17.3	1.0	Click
6	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	8.6	-411		0.8	Click
7	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	38.9	3,949	9.8	1.6	Click
8	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	32.2	3,417	9.4	1.7	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	23.2	1168.9	19.8	1.8	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	107.9	5,868	18.4	4.1	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	85.0	4,602	18.5	5.4	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	36.4	4,905	7.4	1.9	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	33.9	2,903	11.7	1.5	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	32.3	2,868	11.3	2.2	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	21.1	1,586		1.3	Click
16	ELC	Viễn thông	Mua	27/8/20	14.5	18.8	18.3	641	28.5	1.1	Click
17	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	91.9	4,234	21.7	5.0	Click
18	GLT	CNTT	Theo dõi	18/9/20	33.0	N/a	31.6	3,617	8.7	2.5	Click
19	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	35.2	1,180	29.8	2.9	Click
20	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	48.4	5,616	8.6	2.9	Click
21	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	38.7	7,745	5.0	1.9	Click
22	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	18.9	1,653	11.4	1.3	Click
23	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	8.5	-1,169		0.8	Click
24	KDH	Bất động sản	Mua	11/5/21	36.8	42.1	38.4	1,966	19.5	2.8	Click
25	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	44.4	6,758	6.6	1.6	Click
26	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	23.3			1.8	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	78.4	6,544	12.0	2.8	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	161.5	9,642	16.7	4.2	Click
29	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	41.5	3,926	10.6	1.8	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	30.6	2,414	12.7	1.4	Click
31	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	33.0	2,380	13.9	2.0	Click
32	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	89.0	5,812	15.3	3.5	Click
33	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	11.3	1,090	10.3	0.9	Click
34	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
35	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	18.0	0	656.2	0.6	Click
36	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	24.8	1,160	21.4	1.0	Click
37	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	21.0	1,070	19.6	1.7	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	34.4	1,064	32.3	3.5	Click
39	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	46.4	15635.6	3.0	1.3	Click
40	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	49.2	4,613	10.7	2.1	Click
41	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	97.5	5,534	17.6	3.4	Click
42	VGI	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	18.8	570	33.0	1.5	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	44.8	4,035	11.1	1.5	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	107.0	9,941	10.8	3.7	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	61.4	5,052	12.2	2.5	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	26.3	1,195	22.0	2.0	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	82.0	3,256	25.2	7.0	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
2	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
3	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
5	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
8	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
9	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
10	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
12	Banking Sector Outlook		x	Click
13	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
15	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
16	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
17	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
18	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
19	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
20	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
22	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
23	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
25	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
26	Fishery Outlook 2021		x	Click
27	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
28	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
29	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
30	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
31	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
32	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
33	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
34	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
36	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
37	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
38	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
40	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639